

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ZENITEK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ZENITEK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZENITEK TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ZENITEK.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108761264

3. Ngày thành lập: 29/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2 tòa nhà AZ Lâm Viên , 107 Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn phân bón - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
2.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
3.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
4.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5.	Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại nhà nước cấm)	3700
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3812
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
9.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3822
10.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (trừ loại nhà nước cấm)	3900
11.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299

13.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
19.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
20.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
21.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
22.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
23.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
24.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
25.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản	6820
27.	Quảng cáo	7310
28.	Hoạt động viễn thông khác (trừ loại nhà nước cấm)	6190
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Bán buôn đồ uống	4633
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
39.	Xây dựng công trình thủy	4291
40.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
41.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Sản xuất điện	3511

47.	Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải và điều độ điện)	3512
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
57.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
58.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
59.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
61.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
64.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
67.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
68.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
73.	Bốc xếp hàng hóa	5224

74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659(Chính)
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
76.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
80.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÕ HỒNG VIỆT	Số 20+20 ^a phố Trần tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	34,000	001060017383	
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	34,000		

2	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	Nhà 10C1, khu TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	330.000	3.300.000.000	33,000	012506693	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	33,000		
3	ĐINH THỊ LAN PHƯƠNG	P49-D3 Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	330.000	3.300.000.000	33,000	001162014539	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ HỒNG VIỆT** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *13/03/1960* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001060017383*
 Ngày cấp: *08/01/2019* Nơi cấp: *Cục CS quản lý hành chính về TTXH*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20+20^a phố Trần tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 20+20^a phố Trần tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội